

VỀ MỘT PHONG TRÀO MANG TÍNH CHẤT “CẦN VƯƠNG” Ở NAM KỲ HƯƠNG ỨNG LỜI HIỆU TRIỆU CỦA VUA TỰ ĐỨC (1859-1866)

NGUYỄN ĐÌNH CƠ*

Bài viết khái quát một vài nét về phong trào kháng chiến của quân và dân Nam Kỳ trong buổi đầu thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam. Từ lực lượng quân đội triều đình cho đến những đội dân binh tự tổ chức đã anh dũng chống trả kẻ thù, bảo vệ thành trì, bảo vệ vùng đất quê hương. Khi Pháp lần lượt chiếm thành Gia Định, sau đó thôn tính 3 tỉnh miền Đông, rồi Nam Kỳ lục tỉnh, quân dân Nam Kỳ vẫn không chịu khuất phục, tiếp tục tiến hành những cuộc khởi nghĩa gây cho quân Pháp khó khăn trong việc bình định. Có nhiều ý kiến cho rằng sau Hiệp ước Nhâm Tuất (1862) vua Tự Đức đã ngả sang phe chủ hòa và bỏ rơi các cuộc kháng chiến của nhân dân. Tuy nhiên, khảo cứu nhiều nguồn tư liệu, chúng tôi nhận thấy: dù đã ký Hiệp ước và mất ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ cho Pháp, nhưng vua Tự Đức vẫn duy trì chính sách hai mặt, một mặt ra lệnh bãi binh (theo yêu cầu của Hiệp ước), mặt khác vẫn âm thầm khích lệ ủng hộ các cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở Nam Kỳ đến năm 1866.

Từ khóa: vua Tự Đức, phong trào chống Pháp, Nam Kỳ, thế kỷ XIX

Nhận bài ngày: 22/12/2021; *đưa vào biên tập:* 28/12/2021; *phản biện:* 25/4/2022; *duyet đăng:* 10/5/2022

1. DẪN NHẬP

Trong phong trào chống Pháp, hưởng ứng chiếu Cần Vương của vua Hàm

Nghi (1885-1896), các cuộc khởi nghĩa chỉ nổ ra ở địa bàn miền Bắc và miền Trung, gần như vắng bóng ở Nam Kỳ... Các nhà nghiên cứu thường lý giải nguyên nhân là do Nam Kỳ bị chiếm trước, là vùng đất thuộc địa (Cochinchine Française), bộ máy

* Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.

chính quyền thực dân đã được củng cố vững chắc. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là trên vùng đất phía Nam này trước đó chưa từng có những cuộc kháng Pháp quyết liệt. Theo nghiên cứu của chúng tôi, một phong trào kháng Pháp mang tính chất “Cần Vương” đã nổ ra từ sớm ở Nam Kỳ, hưởng ứng những lời hiệu triệu kháng Pháp của vua Tự Đức. Phong trào này diễn ra mạnh mẽ, gây cho Pháp nhiều khó khăn trong việc mở rộng xâm lược và bình định vùng đất Nam Bộ. Tuy nhiên, cuối cùng vì nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, triều đình Huế lần lượt để mất ba tỉnh miền Đông và cả Nam Kỳ lục tỉnh, các cuộc khởi nghĩa lần lượt bị đàn áp.

2. PHÁP ĐÁNH CHIẾM NAM KỲ

Năm 1858, liên quân Pháp - Tây Ban Nha tấn công bán đảo Sơn Trà (Đà Nẵng) mở đầu cho quá trình xâm lược Đại Nam. Âm mưu của Pháp và Tây Ban Nha khi tấn công Đà Nẵng là thực hiện kế sách “đánh nhanh thắng nhanh”, chiếm Đà Nẵng làm bàn đạp, từ đó đánh vào nội địa, tiêu diệt sinh lực của triều đình nhà Nguyễn tại đây, rồi tấn công sang kinh đô Huế, buộc Đại Nam phải đầu hàng (Đình Xuân Lâm, 2000: 17). Tuy nhiên do bố phòng ở Đà Nẵng tương đối chắc chắn, nhất là từ khi Nguyễn Tri Phương được cử làm tổng chỉ huy mặt trận Quảng Nam đã đẩy lui các cuộc tấn công của kẻ thù. Sau hơn 5 tháng không đạt được mục đích, lợi dụng điều kiện gió bắc, Pháp - Tây

Ban Nha gióng thuyền xuống tấn công Gia Định.

Tháng 1/1859, Rigault de Genouilly cho quân đánh chiếm Vũng Tàu, Biên Hòa, Cần Giò, và các đồn tiền tiêu của Gia Định. Tuy Thành Gia Định bị thất thủ nhưng phong trào đấu tranh của nhân dân Gia Định vẫn diễn ra rất mạnh mẽ khiến cho quân Pháp không thể yên ổn đóng trong thành. Theo Nguyễn Thế Anh (1970: 24) trước những khó khăn lớn thời điểm này Chính phủ Pháp muốn rút quân khỏi Việt Nam, nhưng Rigault de Genouilly về Pháp đã biện hộ cho lý do duy trì sự hiện diện của quân đội Pháp ở Sài Gòn và cuối cùng Chính phủ Pháp đã đồng ý với phương án mở rộng xâm lược Nam Kỳ sau khi giải quyết khó khăn ở Trung Quốc. Ngày 25/10/1860, Charner đã đưa 70 chiến hạm, 3.500 quân (lữ đoàn Vassoigne) đến chi viện cho quân Pháp đang đóng ở Nam Kỳ (Cultru, 2021: 99).

Rạng sáng ngày 24/2/1861, sau khi có lực lượng tăng viện, liên quân Pháp - Tây Ban Nha do Charner chỉ huy khoảng 8.000 quân với nhiều khẩu đại bác các loại đã bắt đầu tấn công đại đồn Chí Hòa (Trần Đức Cường, 2016: 346). Ngày 25/2/1861 đại đồn bị thất thủ, Nguyễn Tri Phương bị trọng thương và lui quân về Hóc Môn, sau đó rút về Biên Hòa cố thủ. Thủy quân của Pháp theo đường sông Vàm Cỏ Đông từ Đức Hòa tấn công lên Trảng Bàng - Tây Ninh⁽¹⁾, với hỏa lực mạnh quân Pháp chiếm những thôn làng dọc theo sông Đồng Nai, sông Sài

Gòn, sông Vàm Cỏ. Các tỉnh Định Tường, Biên Hòa, Vĩnh Long nhanh chóng rơi vào tay của Pháp. Tháng 5/1862 Tự Đức vội cử 2 phái viên đi đàm phán với đại diện của Pháp. Theo D.G.E. Hall (1997: 939) nguyên nhân Tự Đức nhanh chóng ký hiệp ước đầu hàng là do: vua đang gặp nhiều khó khăn ở Bắc Kỳ và muốn chấm dứt chiến sự ở phía nam⁽²⁾. Hiệp định được ký kết tại Sài Gòn, theo đó triều đình nhà Nguyễn đồng ý nhượng cho Pháp ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ (và đảo Côn Lôn), trả dần một khoản bồi thường lớn (khoảng 2,8 vạn lạng bạc) trong vòng 10 năm. Sau khi làm chủ miền Đông Nam Kỳ, thực dân Pháp mở rộng xâm lược ra cả bán đảo Đông Dương. Năm 1864, trước áp lực của quân viễn chinh Pháp, vua Norodom đã buộc phải ký hiệp ước chấp nhận sự bảo hộ của Pháp. Ở Nam Kỳ, sau những nỗ lực đàm phán chuộc lại ba tỉnh miền Đông của nhà Nguyễn không thành công, từ 20/6 đến 24/6/1867, quân Pháp đã thôn tính tiếp Hà Tiên, Vĩnh Long, An Giang.

3. NHỮNG LỜI HIỆU TRIỆU QUÂN DÂN NAM BỘ CHỐNG PHÁP CỦA VUA TỰ ĐỨC

Nhiều quan điểm trước đây cho rằng trước sự tấn công của Pháp, triều đình Huế đã bối rối, hèn nhát, lần lượt để ba tỉnh miền Đông, rồi cả Nam Kỳ rơi vào tay quân xâm lược. Bên cạnh đó, tư liệu từ *Đại Nam thực lục* cũng cho thấy, ngay từ khi Pháp đang đánh ở Đà Nẵng thì triều đình Tự Đức đã

dự đoán trước việc Pháp tấn công vào Gia Định và có sự chuẩn bị⁽³⁾. Trong châu bản ngày 21/2/1859, vua Tự Đức nhấn mạnh vị trí quan trọng của Gia Định là “nơi đất thánh quan trọng” do đó “việc phòng bị trước không nên lơ là” (Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, Hội Sử học Đồng Tháp 2019: 28). Khi Pháp đánh chiếm đại đồn Chí Hòa, rồi mở rộng ra cả Nam Kỳ, vua Tự Đức luôn theo dõi sát tình hình, cử những vị tướng tài vào chi viện cho mặt trận, đồng thời liên tiếp ra những chỉ dụ kêu gọi văn thân, sĩ phu tập hợp lực lượng chống Pháp.

Lần tìm trong *Đại Nam thực lục* có thể thấy nhiều lần vua Tự Đức đã ra chỉ dụ kêu gọi chống Pháp. Theo thống kê của chúng tôi, từ khi Pháp tấn công Gia Định (1859) đến khi triều đình ký hiệp ước Nhâm Tuất (năm 1862), vua Tự Đức không dưới 5 lần ra chỉ dụ kêu gọi văn thân, sĩ phu và nhân dân chống giặc (tháng 1/1859, tháng 2/1861, tháng 5/1861, tháng 11/1861, tháng 2/1862 (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007a, tập 7: 594, 703, 719, 743, 760-761)...). Trong chỉ dụ tháng 2/1861, vua Tự Đức đã đưa ra phần thưởng khích lệ những người nghĩa dũng văn thân, sĩ phu đứng lên đánh đuổi ngoại bang: “Định lệ thưởng cho người mộ dũng thuộc Nam Kỳ (5 tỉnh là Biên Hòa, Long, Tường, An, Hà), ai mộ được 50 tên dũng đi theo tỉnh hoặc theo quân thứ sai phái, thì thưởng thụ Suất đội, trật Tông ngũ phẩm; mộ đủ 500 tên, thì thưởng thụ quản cơ, trật Chánh tứ phẩm; mộ đủ

được 2 - 3 cơ đủ một đạo quân, thì lâm thời đội Chỉ cất nhắc lên bậc cao[...].” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007a, tập 7: 703). Trong tài liệu Châu bản còn đề cập lời hịch vua Tự Đức (23/2/1860) kêu gọi văn thân, sĩ phu, binh lính và cả nhân dân Nam Kỳ đứng dậy dưới ngọn cờ của vua để chống Pháp với những lời lẽ cũng thống thiết tương tự: quân Pháp khác hẳn với chúng ta, chúng áp bức dân ta và cưỡng hiếp đàn bà con gái ta, những người không ưu điều sĩ nhục trên hãy tụ họp dưới cờ của trẫm (Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, Hội Sử học Đồng Tháp 2019: 46). Điều này cho thấy vua Tự Đức đã thể hiện quyết tâm trong việc tập hợp nghĩa dũng đồng đảo ở Nam Kỳ để chống Pháp. Ông còn khẳng định: “trước đây trẫm đã gọi cho các quan Lục tỉnh Nam Kỳ lời dụ rằng mọi thần dân ai hô hào dân chúng nổi dậy và kết hợp thành các đội dân binh sẽ được phong thưởng”: tuyển được 10 người phong Bá hộ; tuyển được 50 người phong Chánh lục phẩm suất đội;... (Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, Hội Sử học Đồng Tháp 2019: 47). Léopold Pallu⁽⁴⁾ (2008: 189) cũng cho rằng, khi Pháp chiếm thành Gia Định và cả ba tỉnh miền Đông, bên ngoài vua Tự Đức cử người thương thuyết, bên trong vẫn âm thầm kêu gọi đánh Pháp: “Sứ thần An Nam và Tổng tư lệnh vẫn tiếp tục đàm phán hòa bình. Những đề xuất bất thần bị ngưng trệ vào tháng tám, sau khi ta bắt được một tờ chỉ dụ của hoàng đế An Nam ở gần Trảng Bàng”.

Ngay từ đầu khi Pháp đặt chân đến Đà Nẵng mở đầu xâm lược Đại Nam đến khi mở rộng đánh chiếm vào Gia Định, thôn tính ba tỉnh miền Đông, vua Tự Đức đã thể hiện sự đốc thúc quân sĩ, nhân dân chiến đấu chống xâm lược. Vua “treo giải thưởng cho ai cất đầu được quân Pháp và trách cứ dân chúng đã không tận dụng nguồn lực và tiềm năng để tìm ra phương cách đánh đuổi ngoại xâm” (Pallu, 2008: 190). Bản chỉ dụ Tự Đức ban ngày 1/3/1861 có ý nghĩa như một lời hiệu triệu “Cần Vương”. Bản chỉ dụ mở đầu bằng việc lên án kẻ thù xâm lược: “phá hủy đồn lũy, giết chóc”, “chúng muốn áp bức ta, cưỡng hiếp phụ nữ ta”,... đồng thời kêu gọi: “tất cả những ai phẫn nộ trước hành động đó thì hãy gia nhập nghĩa quân chống Pháp” (Pallu, 2008: 190). Một điều đặc biệt trong chỉ dụ này là vua Tự Đức đã treo phần thưởng cao cho những văn thân, sĩ phu dám đứng lên tập hợp nghĩa dũng chống Pháp (điều này khá tương đồng với bản dụ trong *Đại Nam thực lục* và trong Châu bản đã dẫn ở trên): “Mỗi bề tôi của trẫm phải tuân lệnh trẫm; lãnh đạo dân chúng đứng lên và lập đội dân quân theo mô hình sau: đứng đầu 10 người thì nhận chức cai, đứng đầu 50 người thì nhận chức Chánh lục phẩm suất đội, được lãnh bổng lộc và khí giới để luyện tập. Đứng đầu 100 người thì nhận chức Phó vệ. Đứng đầu 200 đến 400 người sẽ được nâng phẩm trật tương đương với số người nhập ngũ. Đứng đầu 500 người thì được nhận chức

Lãnh binh quân cơ. Ai bắt được một tên Pháp thì được thưởng 4 thỏi bạc. Ai giết được một tên Pháp thì được thưởng 2 lượng bạc. Ai giết được một tên An Nam làm tay sai cho Pháp thì thưởng 1 lượng bạc...” (Pallu, 2008: 190). Trước sự tấn công của Pháp, thời gian đầu, vua Tự Đức đã thực hiện song song nhiều biện pháp nhằm giành lại các tỉnh đã bị chiếm. Theo Yoshiharu Tsuboi (1999: 233), Tự Đức đã dốc toàn lực để lấy lại các tỉnh đã bị chiếm với chính sách hai mặt: một mặt bí mật khuyến khích các văn thân, sĩ phu trong vùng bị Pháp chiếm nổi dậy, mặt khác tìm cách thương lượng với Pháp để chuộc lại các tỉnh ấy. Viên sĩ quan Pallu (2008: 39) đã phải thốt lên: “ta biết rằng chính phủ của họ rất kiên định, kiên trì, mạnh mẽ và đoàn kết; rằng binh lính được tôi luyện để phục tùng một cách mù quáng, họ sùng bái hoàng đế, kiên trung không lùi bước”.

Từ lời kêu gọi kháng chiến của vua Tự Đức, một phong trào nổi dậy chống Pháp đã diễn ra mạnh mẽ ở khắp Nam Kỳ do các văn thân, sĩ phu lãnh đạo.

4. CÁC CUỘC KHỞI NGHĨA HƯỜNG ỨNG LỜI HIỆU TRIỆU CỦA VUA TỰ ĐỨC Ở NAM KỲ (1859-1866)

Khi thực dân Pháp vừa nổ súng đánh Vũng Tàu, sau đó là Gia Định rồi ba tỉnh miền Đông và cả lục tỉnh, nhân dân Nam Kỳ đã anh dũng đứng lên chống Pháp. “Lúc bấy giờ, vì thời cuộc bất lợi nên vua bắt buộc phải ký hòa ước, nhưng bề trong lẽ cố nhiên

vẫn ngấm ngấm khuyến khích cho dân chúng nổi lên chống với giặc Pháp”; đồng thời, vua sai các ông: Đỗ Thúc Tịnh, Trương Minh Lượng, Án sát Nhã vô chuẩn bị cho cuộc kháng chiến ở trong Nam, cho lập căn cứ Tân Thành - Mỹ Quý, nơi vốn trước đây là một đồn quân cũ có lũy tre dày bao bọc, tiện cho việc phòng thủ (dẫn theo Lê Công Lý, 2020: 15). Trong tờ bẩm của Phạm Tiến, một thủ lĩnh chống Pháp ở ba tỉnh miền Đông gửi lên Cơ Mật viện ở Huế ngày 28/9/1863 viết như sau: “Chúng tôi cùng với Trương Định luận bàn với nhau, trao cho viên cử nhân Bùi Tấn và Cù Khắc Kiệt chuyên coi công việc của huyện Tân Thịnh, Cử nhân Lý Duy Phiên, Hà Mậu Đức, Tú tài Nguyễn Văn Trung chuyên coi công việc của hai phủ Tân An và Cửu An, Tú tài Huỳnh Văn Đạt và Bùi Văn Lý chuyên biện việc của huyện Tân Long. Tri huyện Đặng Văn Duy chuyên biện việc phủ Tây Ninh và Quang Hóa; Bát phẩm Lê Quang Bính, Cử nhân Nguyễn Tánh Thiện chuyên biện việc huyện Tân Hòa, Thân sĩ Hồ Huân Nghiệp, Tú tài Mai Phương Mỹ và Nguyễn Duy Thận chuyên biện việc huyện Tân Bình, Bình Dương và giao thông với Biên Hòa, Định Tường” (dẫn theo Tô Nam, Bùi Quang Tung, 1963: 145). Có thể thấy, một phong trào kháng Pháp đã được tổ chức chặt chẽ, tập hợp đông đảo văn thân, sĩ phu ở Nam Kỳ tham gia và có gắn bó mật thiết với triều đình Tự Đức. Tiêu biểu có thể kể tới hai cuộc khởi nghĩa của Trương Định ở Gò Công

(Tiền Giang) và của Võ Duy Dương Tân An (Long An, hai cuộc khởi nghĩa này có sự liên kết với các cuộc khởi nghĩa khác và có sự trợ giúp của vua Tự Đức.

Khởi nghĩa Trương Định⁽⁵⁾ – cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào kháng Pháp xâm lược ở Nam Kỳ. Khi thực dân Pháp bắt đầu tấn công Gia Định (1859), Trương Định đã tập hợp nông dân huấn luyện và sát cánh cùng với quân đội triều đình. Thanh thế và lực lượng nghĩa quân ngày càng lớn mạnh (Đình Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh, 2005: 134). Trương Định thường chiêu mộ thêm binh sĩ, tích lũy lương thực, chế tạo, mua sắm vũ khí và xây dựng Gò Công thành một căn cứ kháng chiến. Số nghĩa quân có đến ngàn người, thường tổ chức những trận phục kích giặc và đã đánh thắng nhiều trận. Trương Định thường xuyên liên hệ, hợp tác với hầu hết các sĩ phu yêu nước, các văn thân mộ nghĩa trong vùng, nhanh chóng phát triển thế lực. Địa bàn hoạt động của nghĩa quân ngày càng rộng khắp ở Gò Công, Mỹ Tho, Tân An, Chợ Lớn thuộc Định Tường, Gia Định, lan rộng ra hai bên nhánh sông Vàm Cỏ, từ Biển Đông kéo dài đến tận biên giới Campuchia. “Trương Định am hiểu võ nghệ, dũng cảm, mưu lược. Tự Đức năm thứ 14 (1861), thành Gia Định hữu sự, Định hưởng ứng việc nghĩa, chiêu mộ thú đồng được hơn 6.000 người, lại kiêm quản những đầu mục thân hào mộ việc nghĩa, dồn lập 18 cơ quân, luôn

chống đánh người Pháp, thu được súng ống khí giới và đúc chế thêm để dùng, được bạt bỏ làm Quản cơ lĩnh Phó Lãnh binh Gia Định” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2005: 877).

Điều này phần nào cho thấy thái độ ủng hộ và trợ giúp đắc lực của triều đình Huế đối với khởi nghĩa Trương Định trong giai đoạn đầu. Tháng 6/1862, triều đình ký Hiệp ước Nhâm Tuất, Pháp buộc triều đình phải có trách nhiệm trong việc chấm dứt các phong trào chống Pháp nổ ra ở Nam Kỳ. Trương Định đã bất tuân lệnh bãi binh của triều đình, đồng thời khước từ thư dụ hàng của Pháp. Theo chúng tôi, vua Tự Đức trước áp lực của Pháp và sự ràng buộc của Hiệp ước Nhâm Tuất, bên ngoài thì chiêu dụ Trương Định bãi binh, nhưng thực chất bên trong thì âm thầm công nhận, khích lệ, thậm chí trợ lực cho Trương Định chống Pháp (Dương Công Đức, 2019: 356). Nhiều nguồn tư liệu (Nguyễn Đắc Xuân, 2012; Nguyễn Hữu Hiếu, 2005: 86-88) cho thấy, trước sức ép của quân Pháp và cả những quan đại thần theo chủ trương hòa với Pháp, Tự Đức đã không giấu giếm việc thực hiện chính sách “hai mặt” (ký hòa ước hòa bình để đợi thời cơ; nhưng trong lúc “hòa bình” vẫn chuẩn bị lực lượng chiến đấu khi thời cơ đến). Vậy nên khi Phan Thanh Giản nhiều lần hối thúc vua ra dụ Trương Định bãi binh, Tự Đức đã tức giận nói rõ ý định của mình: “Lòng người như thế cũng là một sự giúp cho cuộc mưu tính lầy lội, há lẽ nào

cứ rắn dụn lặc vặc mặi” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007a, tặp 7: 797).

Trong *Việt Nam Pháp thuộc sử*, Phan Khoang (1961: 189) còn cho rằng, vua Tự Đức thấy Trương Định kiên quyết chống Pháp nên đã mật phong cho ông chức Bình Tây đại nguyên soái, từ đó nhân dân càng đi theo đông hơn. Theo bản tường trình của Gustave Janneau thì vào tháng 6/1862, quan thị vệ Nguyễn Thi đã mang thánh chỉ của vua Tự Đức phong Trương Định là “Bình Tây đại nguyên soái” thống lĩnh chỉ huy các toán quân của ba tỉnh (dẫn theo Nguyễn Hữu Hiếu, 2005: 86). Ngày 16/12/1862, nghĩa quân của Trương Định nổi lên với ngọn cờ “Bình Tây đại nguyên soái” với căn cứ chính ở Gò Công (Định Tường - Tiền Giang), đồng thời mở rộng ra tới Bà Rịa, Cần Giờ, Sài Gòn... gây cho Pháp nhiều tổn thất. Trong trận đánh đồn Rạch Tra, trên đường Sài Gòn - Tây Ninh, đồn trưởng Pháp bị giết chết, nghĩa quân thu được vũ khí, đạn dược, pháo hạm của địch trên sông Vàm Cỏ Đông. Ở Biên Hòa, hàng vạn đồng bào đều nhất loạt nổi dậy, nghĩa quân làm chủ đường Sài Gòn - Biên Hòa⁽⁶⁾ (Đoàn Đình Huấn - Nguyễn Ngọc Hà, 2017: 57). Trước tình thế đó chính phủ Pháp đã điều động thêm viện binh, tiến hành cuộc tấn công quyết liệt lên căn cứ Gò Công. Tháng 8/1864, trong trận đánh quyết định ở bản doanh “Đám lá tối trời”⁽⁷⁾ ông bị trúng đạn⁽⁸⁾. Trương Định tuấn tiết để không rơi vào tay kẻ thù. Trong các sách sử nhà Nguyễn không thấy nhắc

đến cái chết của Trương Định, cũng như không có sự vinh danh nhất định cho ông, cũng có thể hiểu điều này vì mục tiêu ngoại giao với Pháp. Triều đình Huế không thể nào thừa nhận một cuộc khởi nghĩa chống Pháp khi đã ký hòa ước, chấp nhận giải giáp lực lượng kháng chiến ở Nam Kỳ, vậy nên sự ủng hộ chỉ có thể diễn ra trong bí mật. Bởi vậy, sau đó 10 năm trong một chỉ dụ, vua Tự Đức đã ra lệnh “cấp tiền, gạo cho vợ nguyên An Giang lãnh binh Trương Định đã chết (Thị Thưởng). Trước nước Pháp đánh chiếm các tỉnh ở Nam Kỳ, Trương Định mộ quân đánh Pháp, sau thua chết. Con là Trương Tuệ cũng chết vì việc quân...” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007b, tặp 8: 81-82). Rõ ràng đây là sự ghi nhận của triều đình với cha con Trương Định, trước hành động nghĩa dũng chống ngoại xâm. Và các sử gia nhà Nguyễn cũng ghi chức vụ của Trương Định là lãnh binh An Giang. Năm 1878, vua Tự Đức cấp ruộng cho con cháu ông thờ cúng (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007b, tặp 8: 283), ba năm sau vua còn cho dựng đền thờ “lãnh binh Trương Định” tại quê nhà Quảng Ngãi (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007b, tặp 8: 461). Những hành động vinh danh liên tiếp này chỉ có thể khẳng định một điều vua Tự Đức đã có sự tin tưởng, giao trọng trách lớn cho Trương Định và dành sự tiếc thương, trân trọng khi ông hy sinh.

Khởi nghĩa của Võ Duy Dương, cuộc khởi nghĩa có mối liên hệ với các

phong trào kháng Pháp thời kỳ này, đồng thời có sự liên hệ với triều đình Tự Đức. Võ Duy Dương (1827-1866) quê ở thôn Cù Lâm Nam, thuộc phủ Tuy Viễn, trấn Bình Định (nay là thôn Nam Tượng, xã Nhơn Tân, huyện An Nhơn, Bình Định). Năm 1857, ông cùng một số bạn bè hưởng ứng chính sách khai hoang vùng đất Nam Bộ của triều Nguyễn, vượt biển vào Nam tìm đến đất Ba Giồng (nay thuộc các huyện Châu Thành, Cai Lậy, Cái Bè, tỉnh Tiền Giang) chiêu dân, khai hoang lập ấp (được phong chức Thiên hộ). Theo Phan Khoang (1961: 189): “Võ Duy Dương tức Thiên Hộ Dương, là một nông dân. Vốn là bộ tướng của ông Trương Định. Ông Định chết rồi, ông tiếp tục kháng chiến lấy Đồng Tháp Mười làm căn cứ. Đây là một khu đồng ruộng mênh mông, bùn lầy lau sậy, từ đây nghĩa quân tỏa đi đánh đồn Pháp ở các nơi. Thấy ông có công vua Tự Đức phong ông làm Lãnh binh”.

Tháng 2/1859, thực dân Pháp tấn công thành Gia Định, Võ Duy Dương cùng Nguyễn Hữu Huân chiêu mộ nông dân lập đội nghĩa ứng kéo về Gia Định đánh Pháp. Thành Gia Định vỡ, quân triều đình rút về Biên Hòa. Ông vượt biển về kinh, báo yết vua Tự Đức, hiến kế đuổi giặc. Tháng 5/1861, Võ Duy Dương đóng quân ở Định Tường liên kết với Trương Định ở Gò Công, Trần Xuân Hòa ở Thuộc Nhiêu và hợp cùng Đỗ Thúc Tịnh xây dựng một căn cứ chiến lược tại Mỹ Quý (Tân Thành - Mỹ Quý). Đầu năm 1863,

Pháp tập trung lực lượng đánh căn cứ Tân Hòa của Trương Định và liên tục tấn công nghĩa quân Thiên Hộ Dương. Đến cuối tháng 4/1863, Thiên Hộ Dương rút về cố thủ ở căn cứ Xoài Tư (vùng giáp ranh huyện Cái Bè và huyện Cai Lậy, Tiền Giang hiện nay). Để bảo tồn lực lượng chiến đấu lâu dài, Võ Duy Dương cử Thủ Khoa Huân sang ba tỉnh miền Tây vận động nhân dân ủng hộ tiền bạc mua vũ khí, còn ông phân tán nghĩa quân về các thôn ấp tránh sự lùng sục của giặc. Đào Văn Hội (1972: 37) cũng cho thấy về sự liên lạc giữa Thiên Hộ Dương với vua Tự Đức (điều này cũng khá tương đồng với ghi chép ở trên của Phan Khoang): “Về phần Nam triều nghe tin Thiên Hộ Dương vua Tự Đức giáng chỉ phong chức Lãnh binh cho nhà ái quốc”. Dù không nêu ra nguồn tư liệu nhưng đối sánh *Đại Nam thực lục* và tư liệu Châu bản có thể thấy được sự quan tâm theo dõi, giúp đỡ ngầm của triều đình Tự Đức đối với Võ Duy Dương là một thực tế (Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, Hội Sử học Đồng Tháp 2019: 88). Cũng theo Gustave Janneau (trong *Hai bản báo cáo quân sự về tướng Võ Duy Dương* trên Tạp chí Nghiên cứu Đông Dương (Revue Indochinoise), số 2/1914), vào tháng 7 (1862), Võ Duy Dương kêu gọi nhân dân Định Tường khởi nghĩa chống Pháp. Cùng thời điểm đó Phó lãnh binh Trương Định viết thư cho Thiên Hộ Dương trình bày là ông (Dương) sẽ gặp nguy hiểm khi hoạt động riêng lẻ và mời ông về đây thống nhất lực lượng hai bên. Để thực hiện

thỏa thuận giao ước này, ông Dương đã phái Nguyễn Hữu Huân đến Tân Hòa gặp thị vệ Nguyễn Thi... Nguyễn Hữu Huân sau đó quay trở lại Định Tường ngay. Ông Dương và ông Huân đều nhận chức Chánh đề đốc và Phó đề đốc. Cả hai ông cũng nhận luôn cả ấn triện (Nguyễn Hữu Hiếu, 2005: 86). Theo thông tin trên có thể thấy Trương Định và Võ Duy Dương đã bí mật nhận lệnh, nhận chức vụ từ triều đình để tập hợp lực lượng chống Pháp ở Nam Kỳ. Có thể sau sự kiện đó Thiên Hộ Dương đã kết nối với các nghĩa dũng ở miền Tây Nam Kỳ, và liên kết với các cuộc khởi nghĩa lớn của Campuchia thời kỳ này, như: khởi nghĩa Acha Xoa (còn gọi là Thạch Bướm), khởi nghĩa Pukômpô, gây cho kẻ thù khó khăn trong việc đối phó. Trần Văn Thông cho biết: “Vào tháng giêng, quý ông Thiên Hộ và Thủ Khoa (Huân) hiệp với ông Bướm là anh em trong hoàng tộc của đức Hoàng Lân nước Cao Miên, cùng các đạo chiến tâm trong tỉnh Vĩnh Long, Châu Đốc, Hà Tiên dựng khởi nghĩa lần thứ nhì với giặc Pháp được hơn nửa năm” (dẫn theo Lê Công Lý, 2020: 20). Tháng 7/1864, Thủ Khoa Huân bị bắt. Tháng 8/1864, Trương Định hy sinh, nghĩa quân đứng trước nguy cơ tan vỡ, Thiên Hộ Dương trở lại Định Tường, và rút quân vào vùng Đồng Tháp Mười xây dựng căn cứ, phát triển lực lượng và hợp với binh của Đốc binh Kiều (Nguyễn Tấn Kiều), Thống Linh (Nguyễn Văn Linh). Đến giữa năm 1865, thế và lực của nghĩa quân đã được củng cố trở lại. Từ căn

cứ Đồng Tháp Mười nghĩa quân bắt đầu tấn công sang Cái Bè, Cái Thia, Cai Lậy, Mỹ Quý... Thực dân Pháp tăng viện và tấn công quyết liệt vào căn cứ Đồng Tháp Mười. Võ Duy Dương rút về Cao Lãnh rồi lên biên giới liên kết với nghĩa quân Trương Tuệ (Trương Quyền) và nghĩa quân Campuchia Pukômpô. Thực dân Pháp điều quân đến bao vây, tập kích vào căn cứ của Võ Duy Dương. Nghĩa quân kháng cự quyết liệt nhưng cuối cùng đành thất thủ (tại ấp Bình Thủy, Ba Hàm và Bình Điền). Từ ngày 2/7 đến ngày 11/7/1866, Liên quân Việt - Khmer còn chạm trán với Pháp trong các trận: Trà Vong (Tây Ninh), Trảng Bàng, Long Trì (Tân An), Củ Chi, Hóc Môn, Bình Thới. Tháng 10/1866, Thiên Hộ Dương cho người mang mật báo đến vua Tự Đức. Tháng 11/1866, ông và các thuộc hạ tâm phúc vượt biển về Kinh đô, đến cửa Thần Mẫu (Cần Giờ) bất ngờ bị Lý Sen, một tên cướp biển sát hại. Vua sai người tìm xác ông chôn cất và chu cấp cho gia đình. Quốc sử quán nhà Nguyễn, (2007a, tập 7: 1017) chép: “Thiên hộ Vũ Duy Dương ủy người về Kinh dâng sớ kín. Vua sai Vũ Trọng Bình hỏi kín, cốt phải hỏi đến chỗ cùng bàn cho ổn thỏa. Rồi được quan tỉnh Thuận - Khánh bảo rằng Duy Dương đi thuyền về tỉnh Bình Thuận đầu thú gặp gió bị đắm ở phận biển Thần Mẫu, sai tìm xác, chi đồ vật đem chôn, cấp cho mẹ hẩm mỗi tháng 5 quan tiền, 1 phương gạo”. Điều này cho thấy, trước khi Thiên Hộ Dương mất đã có sự liên lạc và bàn tính một kế hoạch với vua Tự

Đức để chống lại ngoại xâm. Tiếc là dự định của ông đã không thành công.

5. KẾT LUẬN

Các phong trào chống Pháp nổi lên từ 1859-1866 của nhân dân Nam Kỳ ngoài động lực bảo vệ cuộc sống của mình, chống ngoại xâm, còn có mục tiêu hưởng ứng lời kêu gọi của vua Tự Đức. Những cuộc khởi nghĩa này xét trên một số phương diện mang tính chất “Cần Vương”: hưởng ứng dụ của nhà vua, thành phần lãnh đạo đa phần là văn thân, sĩ phu.

Qua đây cho thấy, đã có mối liên hệ mật thiết giữa vua Tự Đức với các cuộc khởi nghĩa ở Nam Kỳ (ít nhất là

đến năm 1866). Vậy thời điểm nào thì vua Tự Đức chấm dứt sự giúp đỡ ngầm đối với lực lượng kháng chiến Nam Kỳ? Theo chúng tôi đến năm 1867 khi các cuộc khởi nghĩa lớn ở Nam Kỳ (như khởi nghĩa Trương Định, Võ Duy Dương, Trương Quyền...) đều bị thực dân Pháp đàn áp, hy vọng dựa vào các cuộc khởi nghĩa của văn thân, sĩ phu để gây áp lực với Pháp không còn, đồng thời ba tỉnh miền Tây cũng bị thực dân Pháp chiếm trọn. Dù rằng có một số thời điểm vẫn chú ý đến những cuộc nổi dậy của quần chúng ở Nam Kỳ, nhưng nhìn chung Tự Đức đã ngã theo xu hướng chủ hòa đang thắng thế trong triều đình lúc bấy giờ. □

CHÚ THÍCH

(1) Về đường đi của Pháp lên Tây Ninh, do lực lượng không đông và sử dụng tàu chiến để đổ bộ nên theo Vương Công Đức, Pháp đã cho tàu chiến đi ngược sông Vàm Cỏ Đông từ Đức Hòa lên Trảng Bàng rồi men theo các rạch lớn nhỏ để tấn công các phủ huyện của Tây Ninh (Vương Công Đức, 2016: 181).

(2) Nguyễn Thế Anh bổ sung thêm 1 nguyên nhân nữa: kinh thành Huế lâm vào tình cảnh thiếu lương thực trầm trọng do Pháp phong tỏa Nam Kỳ, vựa lúa lớn nhất của Đại Nam (Nguyễn Thế Anh, 1970: 32).

(3) Từ năm 1858, khi Pháp đang cố sức công phá Đà Nẵng, Tự Đức đã dự báo về việc Pháp sẽ đem quân vào Gia Định (cửa biển Cần Giờ) và yêu cầu quân đội triều đình phải ra sức củng cố bố phòng ở đây: “Vua nói: Bờ biển Cần Giờ cũng là nơi quan yếu, không nên cho là Tây dương nó không đến mà sơ phòng. Vả lại, thuyền của Tây dương đến đỗ ở Trà Úc, há có thể để cho chúng đỗ lâu” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007a, tập 7: 587). Rõ ràng triều đình không hề bị động trong việc đối phó với kế hoạch mở rộng xâm lược của Pháp trong buổi đầu, trái lại đã có sự dự báo, chuẩn bị để đối phó với kẻ thù. Lời tâu của Trần Văn Trung với vua Tự Đức cho ta thấy rõ điều đó: “Cần Giờ là nơi quan yếu của Nam Kỳ, Nguyễn Tri Phương đã đi, Phạm Thế Hiển lại đi. Thuyền của Tây dương không được thả chích ở Trà Sơn, tắt đến cửa biển ấy. Vũ Duy Ninh chưa quen địa thế, sợ có việc quan ngại khác” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007a, tập 7: 587).

(4) Viên sĩ quan (đại úy hải quân) từng tham gia chiến dịch đánh thành Gia Định và bị thương hai lần.

(5) Trương Định còn có tên là Trương Công Định, ông sinh năm 1820 ở phủ Bình Sơn, Quảng Ngãi (nay là xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi). Trương Định sống ở

quê hương Quảng Ngãi cho đến năm 24 mới theo cha là Trương Cầm, người giữ chức Chương lý Thủy sư vào Gia Định. Trương Định là người chí dũng song toàn. Năm 1850, hưởng ứng chính sách khai hoang của triều đình, ông đã đứng ra chiêu mộ khoảng 500 dân nghèo khai hoang lập ấp ở Gò Công, Gia Định. Với công lao đó, ông được triều đình Huế phong chức Quản cơ, hàm Lục phẩm, nên dân chúng còn gọi ông là Quản Định.

⁽⁶⁾ Chính Pallu, người chỉ huy lực lượng thủy quân đánh vào đại đồn Chí Hòa và thành Định Tường đã thú nhận: “Lúc bấy giờ (tháng 6 năm 1861) có một người An Nam rất cương quyết và hào hùng tên là Trương Dinh cho biết sẽ dấy loạn khởi nghĩa trong toàn xứ... Là một trong số những người nhiều nghị lực nhất, anh ta đánh lừa là đã chết trong trận Gò Công, nhưng sau đó lại xuất hiện và chiến đấu trong hết mùa mưa... Mãi về sau này, khi ta đã chiếm Biên Hòa, tên Trương Dinh tung hoành tàn phá hết hai vùng tứ giác của ta” (Pallu, 2008: 252).

⁽⁷⁾ Từ Gò Công đi về hướng ao Trường Đua, theo đường ấp Long Hưng đến ngã ba ấp Giá Trên thuộc xã Kiểng Phước; từ đây có bảng hướng dẫn đi thêm 8,5km nữa để đến đền thờ Trương Định (Gia Thuận). Nơi này, khi xưa là khu vực “Đám lá tối trời”.

⁽⁸⁾ “Mờ sáng ngày 20/8/1864, cuộc chiến đấu bắt ngờ nổ ra. Nghĩa quân chiến đấu rất dũng cảm, giết chết nhiều tên địch. Tả xung hữu đột trong cuộc chiến giáp la cà cả bằng gươm và súng. Trương Định bị trúng một viên đạn bị gãy cột sống” (Đoàn Đình Huấn, Nguyễn Ngọc Hà, 2017: 59).

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Cultru Prosper. 2021. *Lịch sử Nam Kỳ thuộc Pháp (từ sơ khởi đến năm 1883)*, (Ninh Xuân Thao dịch). Hà Nội: Nxb. Thế giới.
2. Đào Văn Hội. 1972. *Tân An xưa và nay*. Sài Gòn: Phủ quốc vụ khanh đặc trách xuất bản.
3. Đinh Xuân Lâm (chủ biên). 2000. *Đại cương lịch sử Việt Nam*. Tập II. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
4. Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh (chủ biên). 2005. *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
5. Đoàn Đình Huấn, Nguyễn Ngọc Hà. 2017. *Vùng đất Nam Bộ*. Tập V. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật.
6. Dương Công Đức. 2019. *Tây Ninh bên dòng lịch sử miền Nam*. Hà Nội: Nxb. Tri Thức.
7. Hall D.G.E. 1997. *Lịch sử Đông Nam Á*. Bùi Thanh Sơn, Nguyễn Thái Yên Hương, Hoàng Anh Tuấn, Nguyễn Vũ Tùng, Đoàn Thắng dịch. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
8. Hội Nghiên cứu Đông Dương. 2017. *Monographie de la province de Gia Định (chuyên khảo về tỉnh Gia Định - 1902)*. (Nguyễn Nghị - Nguyễn Thanh Long dịch). TPHCM: Nxb. Trẻ.
9. Huỳnh Minh. 2001. *Định Tường xưa*. Hà Nội: Nxb. Thanh niên.
10. Lê Công Lý. 2020. *Thủ Khoa Huân qua những tư liệu mới*. Huế: Nxb. Thuận Hóa.

11. Nguyễn Đắc Xuân. 2012. “Cuộc kháng chiến chống Pháp của Trương Định không nằm ngoài chủ trương của vua Tự Đức”. *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển*, số 1. http://www.gactholoc.com/c27/t27-319/cuoc-khang-chien-chong-phap-cua-truong-dinh-khong-nam-ngoai-chu-truong-cua-vua-tu-duc.html#_ftn5, truy cập ngày 3/8/2012.
12. Nguyễn Hữu Hiếu (chủ biên). 2005. *Võ Duy Dương với Đồng Tháp Mười*. TPHCM: Nxb. Trẻ.
13. Nguyễn Thế Anh. 1970. *Việt Nam thời Pháp đô hộ*. Sài Gòn: Nxb. Lửa Thiêng.
14. Pallu Léopold. 2008. *Lịch sử cuộc viễn chinh Nam Kỳ 1861*. (Hoàng Phong dịch). TPHCM: Nxb. Phương Đông.
15. Phan Khoang. 1961. *Việt Nam Pháp thuộc sử (1884-1945)*. Sài Gòn: Nxb. Khai Trí.
16. Quốc sử quán triều Nguyễn. 2005. *Đại Nam liệt truyện*. Huế: Nxb. Thuận Hóa.
17. Quốc sử quán triều Nguyễn. 2007a. *Đại Nam thực lục*. Tập 7. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
18. Quốc sử quán triều Nguyễn. 2007b. *Đại Nam thực lục*. Tập 8. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
19. Tô Nam, Bùi Quang Tung. 1963. “Tình hình ba tỉnh Nam Kỳ Tự Đức năm thứ 16 (1863)”. *Tập san Sử Địa*. Sài Gòn: Nhà sách Khai Trí.
20. Trần Đức Cường (chủ biên). 2016. *Lịch sử hình thành và phát triển vùng đất Nam Bộ (từ khởi thủy đến năm 1945)*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
21. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, Hội Sử học Đồng Tháp. 2019. *Cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam Kỳ và Đồng Tháp qua Châu bản triều Nguyễn*. Hà Nội: Nxb. Hà Nội.
22. Tsuboi Yoshiharu. 1999. *Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa*. Nguyễn Đình Đầu dịch. TPHCM: Nxb. Trẻ.
23. Vương Công Đức. 2016. *Trăng Bàng phương chí*. Hà Nội: Nxb. Tri Thức.